



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh

Giám thị 3:

Ký tên:

Ngày thi: 20/07/2026

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006		1	8,5	Tám, năm	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006		1	9,3	chín, ba	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006		1	5,7	Năm, bảy	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006		1	8,5	Tám, năm	C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006		1	4,2	Bốn, hai	C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004		1	8,6	Tám, sáu	C26LG1	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005		1	9,4	chín, bốn	C26LG1	
8	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006		1	7,0	Bảy, không	C26LG2	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006		1	6,7	Sáu, bảy	C26LG1	
10	2410150034	Haynh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006		1	8,0	Tám, không	C26LG2	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006		1	5,7	Năm, bảy	C26LG1	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006		1	9,2	chín, hai	C26LG1	
13	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006		1	1,7	Một, bảy	C26LG2	
14	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006		1	6,6	Sáu, sáu	C26LG2	
15	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006		1	9,3	chín, ba	C26LG1	
16	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005		1	4,9	bốn, chín	C26LG1	
17	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006		1	6,3	Sáu, ba	C26LG2	
18	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006		1	4,4	Bốn, bốn	C26LG1	
19	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006		1	4,2	Bốn, hai	C26LG1	
20	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006		1	7,4	Bảy, bốn	C26LG1	
21	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006		1	2,1	Hai, một	C26LG2	
22	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006		1	7,7	Bảy, bảy	C26LG1	
23	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003		1	9,8	chín, tám	C26LG1	
24	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005		1	6,2	Sáu, hai	C26LG2	
25	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006		1	7,2	bảy, hai	C26LG2	
26	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005		1	8,2	tám, hai	C26LG1	
27	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003		1	9,3	chín, ba	C26LG1	
28	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006		1	8,1	tám, một	C26LG1	
29	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006		1	3,0	ba, không	C26LG1	
30	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004		1	9,3	chín, ba	C26LG2	
31	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006		1	9,5	chín, năm	C26LG2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	<i>[Signature]</i>	1	5,1	Năm, một	C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 32 / 32 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 18 tháng 7 năm 2016.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Trần Thị Hòa.

Ngày: 18 tháng 7 năm 2016.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
 Đỗ Thị Ngọc Trinh



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 21/6/2026 Giờ thi: 15g30 Phòng thi: A1.9

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	9.5	chín rưỡi	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	9.0	chín không	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	9.5	chín rưỡi	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	8.0	Tám không	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>[Signature]</i>	8.5	Tám rưỡi	
8	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	9.5	chín rưỡi	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	7.5	Bảy rưỡi	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	9.5	chín rưỡi	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	9.0	chín	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	10	Mười	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 00 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 2 tháng 6 năm 2026

Ngày 2 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa


Đỗ Thị Ngọc Trinh



TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG
BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 2/6/2026 Giờ thi: 15g30 Phòng thi: A1.9

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		10	Mười	
2	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		7.5	Bảy rưỡi	
3	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		10	Mười	
4	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		9.5	Chín rưỡi	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		10	Mười	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		8.5	Tám rưỡi	
7	2410150038	Nguyễn Thành Luân	06/03/2006	C26LG2		9.0	Chín không	
8	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		10	Mười	
9	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		9.5	Chín rưỡi	
10	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
11	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		10	Mười	
12	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		10	Mười	
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		10	Mười	
14	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		10	Mười	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		9.0	Chín không	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		10	Mười	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 01 Số bài thi: 15 / 16

Ngày... tháng... năm... 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Tiến Thị Hòa

Ngày... tháng... năm... 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Ngọc Thịnh

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Mã lớp học phần: 25311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Ngày thi: 16/6/2026 Giờ thi: 15g30 Phòng thi: A19

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An		18/10/2006	C26LG1	<i>Chm</i>	9.3	Chín phẩy ba	
2	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo		14/05/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	5.9	Năm phẩy chín	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo		14/08/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	8.4	Tám phẩy tư	
4	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu		22/10/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	6.6	Sáu phẩy sáu	
5	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		20/10/2004	C26LG1	<i>Đen</i>	9.1	Chín phẩy một	
6	2410150004	Nguyễn Đạt		29/7/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	6.0	Sáu phẩy không	
7	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia		09/01/2005	C26LG1	<i>Đen</i>	8.4	Tám phẩy tư	
8	2410150022	Trần Gia Hân		26/08/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	6.6	Sáu phẩy sáu	
9	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm		14/10/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	5.9	Năm phẩy chín	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa		18/12/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	7.7	Bảy phẩy bảy	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi		23/10/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	8.1	Tám phẩy một	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam		20/11/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	7.6	Bảy phẩy sáu	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi		22/09/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	7.2	Bảy phẩy hai	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt		19/10/2005	C26LG1	<i>Đen</i>	6.4	Sáu phẩy tư	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn		02/05/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	8.3	Tám phẩy ba	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo		27/10/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	8.9	Tám phẩy chín	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo		31/10/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	8.3	Tám phẩy ba	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận		10/11/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	8.3	Tám phẩy ba	
19	2410150002	Lê Anh Thư		19/01/2003	C26LG1	<i>Đen</i>	8.5	Tám phẩy năm	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc		22/07/2005	C26LG1	<i>Đen</i>	8.5	Tám phẩy năm	
21	2410150010	Nguyễn Đăng Trường		12/10/2003	C26LG1	<i>Đen</i>	6.0	Sáu phẩy không	
22	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú		25/10/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	8.6	Tám phẩy sáu	
23	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên		23/04/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	6.6	Sáu phẩy sáu	
24	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy		23/08/2006	C26LG1	<i>Đen</i>	7.2	Bảy phẩy hai	

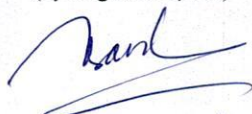
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 00. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày: 17 tháng 06 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoa

Ngày: 16 tháng 06 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Đo Thị Ngọc Thịnh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Chuỗi cung ứng nâng cao - MH1104254

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25311MH110425401 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Đỗ Thị Ngọc Thịnh - (04135)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 16/6/2026 Giờ thi: 15g30 Phòng thi: A.1.9

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		8.5	Sau rười	
2	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	18/02/2003	C26LG2		6.4	Sau phẩy tư	
3	2410150031	Thị Cẩm	04/11/2006	C26LG2		8.7	Tám phẩy bảy	
4	2410100011	Phan Văn	21/10/2005	C26LG2		8.3	Tám phẩy ba	
5	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc	10/09/2006	C26LG2		9.6	chín phẩy sáu	
6	2410150039	Trần Hoàng Bảo	18/06/2006	C26LG2		5.7	Năm phẩy bảy	
7	2410150038	Nguyễn Thành	06/03/2006	C26LG2		5.7	Năm phẩy bảy	
8	2410150036	Võ Thị Như	10/06/2006	C26LG2		6.5	Sáu rười	
9	2410150045	Nguyễn Phan Minh	30/08/2006	C26LG2		6.2	Sáu phẩy hai	
10	2410150055	Nguyễn Trần Minh	05/06/2005	C26LG2				
11	2410150032	Danh Thị Hồng	24/07/2006	C26LG2		8.8	Tám phẩy tám	
12	2410150047	Đặng Thị Mỹ	22/05/2005	C26LG2		7.2	bảy phẩy hai	
13	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh	25/12/2006	C26LG2		6.5	Sáu rười	
14	2410170040	Nguyễn Khánh	18/12/2004	C26LG2		8.5	Tám rười	
15	2410160018	Nguyễn Thị Kiều	20/08/2006	C26LG2		8.1	Tám phẩy một	
16	2410150033	Lê Nguyễn Như	17/02/2006	C26LG2		9.3	chín phẩy ba	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 01 Số bài thi: 15 / 16

Ngày 17 tháng 6 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hương

Ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Ngọc Thịnh